

Nghe và tick V nếu từ em nghe được đúng là từ được viết trong câu.

Tick X nếu sai.

PRONUNCIATION

1. LISTEN AND TICK



	✓	✗
1.lock		
2.community		
3.kind		
4.cracker		
5.flavour		
6.fear		
7.cream		
8.grocer		
9.vampire		
10.beard		
11.fruit		
12.vary		



NEXT

PRONUNCIATION

2. Choose the word whose underlined part is pronounced differently

Chọn từ có phần gạch chân được phát âm khác với các từ còn lại.



- | | | | |
|------------------------|------------------|---------------------|--------------------|
| 1.A. <u>h</u> igh | B. <u>r</u> ough | C. <u>t</u> ough | D. <u>l</u> augh |
| 2.A. <u>b</u> ag | B. <u>f</u> rog | C. <u>o</u> riginal | D. <u>f</u> lag |
| 3.A. <u>h</u> urricane | B. <u>s</u> carf | C. <u>c</u> ity | D. <u>c</u> racker |
| 4.A. <u>l</u> abour | B. <u>f</u> lour | C. <u>f</u> avour | D. <u>h</u> onour |
| 5.A. <u>f</u> ear | B. <u>e</u> arn | C. <u>h</u> ear | D. <u>c</u> lear |

NEXT